Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8523.52.00

Mã HS	8523.52.00
Mô tả hàng hóa	Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thể rắn, “thẻ thông minh” và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm thanh hoặc các nội dung, hình thức thể hiện khác, đã hoặc chưa ghi, kể cả bản khuôn mẫu và bản gốc để sản xuất băng đĩa, nhưng không bao gồm các sản phẩm của Chương 37 / - Phương tiện lưu trữ thông tin bán dẫn: / - - "Thẻ thông minh"
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 05:19:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85235200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15553
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15553
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15553
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14867
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14808
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14808
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14808
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14808
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14808
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14808
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14862
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14862
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14862
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14862

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14862
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14862
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14863
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14863
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14863
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14863
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14863
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14863
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14866
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14814
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14822
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14822
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14822
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14822
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14822
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14822
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14853
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14853
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14853
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14853
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14853
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14853
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14908
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14908
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14908
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14908

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14908
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14908
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D14887
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E14887
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F14887
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G14887
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H14887
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I14887
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14885
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14885
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14885
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14885
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14885
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14885
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14900
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14900
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14900
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14900
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14900
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14900
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14899
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14899
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14899
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14899
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14899
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14899

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14892
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14892
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14892
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14892
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14892
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14892
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14892
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14887
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14887
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14887
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14887
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14887
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14887
RCEP B	2022	2022	0	B!D14887
RCEP B	2023	2023	0	B!E14887
RCEP B	2024	2024	0	B!F14887
RCEP B	2025	2025	0	B!G14887
RCEP B	2026	2026	0	B!H14887
RCEP B	2027	2027	0	B!I14887
RCEP C	2022	2022	0	C!D14887
RCEP C	2023	2023	0	C!E14887
RCEP C	2024	2024	0	C!F14887
RCEP C	2025	2025	0	C!G14887
RCEP C	2026	2026	0	C!H14887
RCEP C	2027	2027	0	C!I14887
RCEP D	2022	2022	0	D!D14886

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14886
RCEP D	2024	2024	0	D!F14886
RCEP D	2025	2025	0	D!G14886
RCEP D	2026	2026	0	D!H14886
RCEP D	2027	2027	0	D!I14886
RCEP E	2022	2022	0	E!D14890
RCEP E	2023	2023	0	E!E14890
RCEP E	2024	2024	0	E!F14890
RCEP E	2025	2025	0	E!G14890
RCEP E	2026	2026	0	E!H14890
RCEP E	2027	2027	0	E!I14890
RCEP F	2022	2022	0	F!D14887
RCEP F	2023	2023	0	F!E14887
RCEP F	2024	2024	0	F!F14887
RCEP F	2025	2025	0	F!G14887
RCEP F	2026	2026	0	F!H14887
RCEP F	2027	2027	0	F!I14887
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13867
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13867
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13867
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13867

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)		211/2025/NĐ-CP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8523.52.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8523.52.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15553), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP mật mã dân sự XK, NK theo giấy phép (211/2025/NĐ-CP)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.